

# HOÀN THIÊN CƠ CHẾ ĐIỀU HÀNH LÃI SUẤT TÍN DỤNG

## theo hướng tự do hoá

Vũ Long \*

Cũng như giá cả của hàng hoá, lãi suất là giá cả của tiền tệ, tín dụng, là phạm trù kinh tế tổng hợp và là một công cụ quan trọng trong điều hành kinh tế vĩ mô. Lãi suất tác động đến quan hệ cung - cầu về vốn, phân bổ các nguồn vốn tài chính của nền kinh tế, tác động đến tiền tệ trên thị trường, từ đó ảnh hưởng đến tỷ giá, lạm phát, tăng trưởng kinh tế. Lãi suất tác động đến các quyết định về đầu tư hay tiêu dùng, mua sắm tài sản hay mua trái phiếu, hoặc gửi tiết kiệm của các tổ chức kinh tế và cá nhân trong xã hội. Do những ảnh hưởng đó, lãi suất là một trong những biến số được quản lý và theo dõi chặt chẽ trong nền kinh tế và diễn biến của nó được đưa tin hằng ngày trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Thực tiễn việc hoạch định và điều hành chính sách tiền tệ thời gian qua cho thấy, chính sách lãi suất là một bộ phận quan trọng của chính sách tiền tệ. Sự vận động, thay đổi chính sách lãi suất có tác động nhanh và mạnh đến thị trường tiền tệ, tín dụng, tạo ra các hiệu ứng rõ rệt đối với hoạt động của hệ thống ngân hàng và tác động đối với nền kinh tế. Trong cơ chế kế hoạch hoá tập trung, lãi suất chưa được sử dụng một cách đầy đủ như một đòn bẩy kinh tế, nhằm kích thích tăng trưởng kinh tế. Chuyển sang cơ chế thị trường, lãi suất được phát huy mạnh mẽ vai trò của nó với tư cách là giá cả của vốn và chịu tác động của quy luật cung - cầu về vốn tín dụng.

### Quá trình đổi mới cơ chế lãi suất tín dụng thời gian qua

Cùng với việc đổi mới cơ chế điều hành chính sách tiền tệ, tín dụng và hoạt động ngân hàng, cơ chế điều hành lãi suất đã được NHNN cải cách từng bước theo hướng lãi suất thị trường và thu được những thành quả cơ bản, xử lý dần các bất hợp lý trong cơ chế

lãi suất tín dụng, chế độ kiểm soát lãi suất cứng nhắc dần dần được nới lỏng theo hướng tự do hoá với những bước đi thận trọng, cụ thể như sau:

- Thời kỳ từ 1992 về trước: Cơ chế lãi suất tín dụng thời kỳ này thể hiện sự bao cấp về vốn của Nhà nước đối với nền kinh tế, lãi suất âm (lãi suất cho vay thấp hơn lãi suất tiền gửi), ngân hàng quy định chi tiết từng mức lãi suất tiền gửi và lãi suất cho vay với từng loại hình doanh nghiệp, từng ngành nghề và lãi suất phân biệt theo thành phần kinh tế.

- Thời kỳ từ 6/1992 - 1995: Giai đoạn thực hiện cơ chế lãi suất thực dương, lãi suất cho vay bình quân cao hơn lãi suất tiền gửi bình quân, lãi suất tiền gửi bình quân lớn hơn tỷ lệ lạm phát. Các mức lãi suất tiền gửi và cho vay cụ thể thời kỳ trước được thay thế bằng khung lãi suất (lãi suất cho vay tối đa, lãi suất tiền gửi tối thiểu), trong phạm vi khung lãi suất của NHNN, các TCTD được phép tự ấn định các mức lãi suất tiền gửi và cho vay cụ thể phù hợp với đặc thù hoạt động kinh doanh và cung cầu vốn từng thời điểm. Cơ chế lãi suất thời kỳ này thực sự phát huy vai trò tự nhiên vốn có của nó là đòn bẩy kinh tế, góp phần kiểm chế lạm phát, duy trì tăng trưởng kinh tế và đảm bảo lợi ích cho cả người gửi, người vay và NHTM kinh doanh có lãi.

- Thời kỳ từ 1996 - 7/2000: Thời kỳ tiếp tục chính sách lãi suất thực dương nhưng được nới lỏng hơn thời kỳ trước đó, bằng việc thực hiện cơ chế trần lãi suất cho vay, có áp dụng một số mức trần khác

nhau cho khu vực thành thị, nông thôn hoặc các loại hình TCTD trong thời hạn nhất định. Lãi suất tiền gửi bắt đầu được tự do hóa. Cùng với cơ chế tín dụng thương mại, các TCTD còn thực hiện cơ chế tín dụng ưu đãi thông qua chính sách lãi suất, đối với các đối tượng chính sách xã hội theo chỉ đạo của Chính phủ.

- Từ tháng 8/2000 đến nay, NHNN đã chuyển từ cơ chế điều hành lãi suất theo trần sang cơ chế điều hành lãi suất cơ bản đối với cho vay bằng đồng Việt Nam và cơ chế lãi suất thị trường có quản lý đối với lãi suất cho vay ngoại tệ, phù hợp với quy định của Luật NHNN và Luật các TCTD. Đặc biệt từ tháng 6/2001, cơ chế điều hành lãi suất ngoại tệ được tiếp tục đổi mới một bước quan trọng, với việc bỏ quy định về biên độ lãi suất cho vay bằng đô la Mỹ, lãi suất cho vay đô la Mỹ nói riêng và cho vay ngoại tệ nói chung đã hoàn toàn được tự do hoá. Các TCTD ấn định lãi suất cho vay bằng Đô la Mỹ theo thỏa thuận với khách hàng, dựa trên cơ sở lãi suất thị trường quốc tế và cung - cầu vốn tín dụng bằng ngoại tệ ở trong nước. Thực chất cơ chế lãi suất tín dụng thời kỳ này là bước tiến quan trọng trong quá trình tự do hoá lãi suất, đáp ứng đòi hỏi của nền kinh tế đang trong quá trình hội nhập quốc tế.

Cơ chế lãi suất tài chiết khấu của NHNN đối với các TCTD cũng dần được đổi mới từ cho vay trực tiếp nhằm bổ sung nguồn vốn lưu động cho TCTD sang cho vay tái cấp vốn, thực hiện vai trò NHNN là

\* NHNN

người cho vay cuối cùng. Lãi suất cho vay tái cấp vốn được điều chỉnh tăng hay giảm phù hợp với nội dung và mục tiêu của chính sách tiền tệ trong từng thời kỳ có tác động một cách gián tiếp lên lãi suất thị trường tiền tệ.

Có thể nói rằng, quá trình đổi mới cơ chế lãi suất tin dụng thời gian qua được thực hiện theo hướng tự do hoá lãi suất với những bước đi thận trọng phù hợp với cơ chế kinh tế của Việt Nam trong từng giai đoạn phát triển.

**Bước đi tiếp theo trong tiến trình tự do hoá lãi suất**

Tính đến thời điểm hiện nay, một bộ phận lớn lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam (trừ lãi suất kỳ phiếu, trái phiếu của NHTM), lãi suất tiền gửi và cho vay ngoại tệ (trừ lãi suất tiền gửi bằng đô la Mỹ của các pháp nhân tại các TCTD), lãi suất thị trường nội tệ liên ngân hàng đã được tự do hoá. Lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam đối với nền kinh tế vẫn còn bị khống chế. Vì vậy, lộ trình tiếp theo trong quá trình tự do hoá lãi suất ở Việt Nam thời gian tới nên thực hiện theo trình tự như sau:

**Bước 1: Xoá bỏ việc khống chế lãi suất tiền gửi tối đa bằng USD của pháp nhân tại các TCTD, tự do hoá hoàn toàn lãi suất tiền gửi ngoại tệ.**

Từ cuối năm 1998 đến nay, nhằm góp phần tăng cường hoạt động quản lý ngoại hối, hạn chế các TCTD găm giữ ngoại tệ trên tài khoản tiền gửi để hưởng lãi suất cao và tránh rủi ro về tỷ giá, NHNN đã quy định mức lãi suất tiền gửi tối đa bằng đô la Mỹ đối với pháp nhân tại TCTD, mức lãi suất này thường thấp hơn lãi suất tiền gửi tiết kiệm của dân cư cùng kỳ hạn từ 2%-2,5%/năm. Tuy nhiên, do mức lãi suất tiền gửi thấp, nên một số tổ chức kinh tế không muốn gửi tiền tại các TCTD của Việt Nam, mà mang gửi tại các TCTD nước ngoài để hưởng mức lãi suất cao hơn, gây mất nguồn ngoại tệ trong nước. Với cơ chế quản lý tỷ giá hiện nay, tỷ giá được xác định theo thị trường hàng ngày, tương đối ổn

định, không gây đột biến, tỷ lệ kết hối giảm, lãi suất găm đây liên tục giảm, nên tâm lý găm giữ ngoại tệ của các tổ chức kinh tế không như thời gian trước đây. Vì vậy, đây là thời điểm hoàn toàn thích hợp để xoá bỏ việc khống chế lãi suất tiền gửi tối đa bằng đô la Mỹ của pháp nhân tại các TCTD, nhằm tự do hoá hoàn toàn lãi suất tiền gửi ngoại tệ.

**Bước 2: Tách hoạt động cho vay chính sách ra khỏi các hoạt động cho vay thương mại của các NHTM, nhằm thực hiện việc xoá bỏ các hình thức lãi suất cho vay ưu đãi trong hệ thống ngân hàng.**

Xoá bỏ các hình thức lãi suất cho vay ưu đãi trong hệ thống NHTM là tất yếu trong quá trình tự do hoá lãi suất. Theo kinh nghiệm tự do hoá lãi suất của các nước, thì việc đề cập đến vấn đề xoá bỏ các mức lãi suất ưu đãi trong quá trình tự do hoá lãi suất ở Việt Nam hiện nay là quá muộn. Các nước thường tiến hành việc xoá bỏ kiểm soát này vào thời kỳ đầu của quá trình tự do hoá lãi suất. Sở dĩ như vậy là vì, việc tồn tại các mức lãi suất ưu đãi có ảnh hưởng tới các mức lãi suất cho vay thương mại của các trung gian tài chính. Thông thường các NHTM hiện nay vẫn dùng nguồn vốn tự huy động để cho vay ưu đãi theo các mục tiêu chỉ định, nhưng việc cấp bù phần giảm lãi suất cho vay chưa được thực hiện đầy đủ (chỉ thực hiện khi kết quả kinh doanh của ngân hàng bị lỗ). Trong những trường hợp như vậy, lãi suất cho vay thương mại sẽ bị đẩy lên cao, để bù đắp cho các khoản cho vay ưu đãi. Bên cạnh đó, việc cho vay ưu đãi thường gắn với rủi ro tín dụng, do người vay gây ra, nhưng cũng có thể do chính NHTM gây ra, vì họ nghĩ rằng các khoản cho vay đó đã được Nhà nước bảo lãnh nên không quan tâm đến hiệu quả đầu tư, giám sát quá trình sử dụng vốn vay...

Việc tồn tại quá lâu các hình thức cho vay ưu đãi đã ảnh hưởng xấu đến toàn bộ hoạt động đầu tư tín dụng, làm tê liệt động cơ nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ

thẩm định, giám sát vốn vay, ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của NHTM.

**Bước 3: Mở rộng biên độ lãi suất cho vay nội tệ, tiến tới bỏ biên độ lãi suất cho vay trung và dài hạn trước, sau đó là biên độ lãi suất cho vay ngắn hạn.** Nói cách khác, tự do hoá lãi suất cho vay trung và dài hạn trước và cuối cùng là lãi suất cho vay ngắn hạn để tự do hoá hoàn toàn lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam.

Như chúng ta đã biết, nhu cầu về nguồn vốn trung, dài hạn trong thời điểm hiện nay là rất lớn nhằm hỗ trợ việc đổi mới công nghệ, đầu tư chiều sâu để củng cố chỗ đứng cho hàng hoá Việt Nam, chuẩn bị cho việc mở cửa thị trường hàng hoá theo cam kết AFTA. Trong khi đó, khả năng huy động vốn trung và dài hạn của các TCTD hiện nay rất hạn chế. Một phần do thói quen của người Việt Nam, tính chưa thật ổn định vững chắc của giá trị đồng Việt Nam và chưa phát triển phổ biến các công cụ nợ dài hạn, một phần là do mức lãi suất và cơ chế xác định lãi suất chưa hợp lý. Vì vậy, cần phải nhanh chóng tự do hoá lãi suất trung và dài hạn. Tuy nhiên, tự do hoá ngay lãi suất trung dài hạn trong thời điểm hiện nay là chưa chín muồi, vì công cuộc cải tổ hệ thống tiền tệ, ngân hàng và nền kinh tế đang diễn ra. Nếu tiến hành tự do hoá lãi suất trung và dài hạn trong giai đoạn này có thể làm tăng mạnh lãi suất trung, dài hạn, cản trở quá trình phục hồi, cải tổ nền kinh tế. Hơn nữa, để hỗ trợ quá trình tự do hoá thương mại cho tới 2003 (thời hạn Việt Nam sẽ tối đa hoá dòng thuế suất từ 0-5%), với việc đẩy mạnh đầu tư chiều sâu thì cũng cần hạn chế tối đa những cú sốc mạnh về lãi suất đầu tư trung và dài hạn.

**Bước cuối cùng:** Thả nổi lãi suất kỳ phiếu, trái phiếu bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ của các TCTD. Như vậy, đến đây đã hoàn tất quá trình tự do hoá lãi suất. Lãi suất được hình thành hoàn toàn dựa trên quan hệ cung - cầu về vốn tín dụng trên thị trường. ■